

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2026

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Tú

2. Ông Trần Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2025/TLST- HNGĐ ngày 28/10/2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 45/2025/QDST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc K, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Trịnh Hoài L, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn anh Trần Ngọc K trình bày: Anh và chị Trịnh Hoài L kết hôn ngày 20/11/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ở xã C, huyện C (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp được với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình khuyên giải nhưng vẫn không thể khắc phục được. Chị L đã về nhà mẹ đẻ từ tháng 9/2024, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn chị L.

Về con chung: Anh K xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 17/6/2020; cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/3/2022 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 29/3/2022. Hiện nay cháu cả 03 (ba) con chung đang ở với anh K. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh K không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn - chị Trịnh Hoài L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã C kết quả như sau: Anh Trần Ngọc K và chị Trịnh Hoài L có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cấp Dẫn, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được vì vợ chồng anh chị không qua hòa giải ở cơ sở. Chị L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2024 đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay anh K xin ly hôn chị L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh K và chị L có 03 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 17/6/2020; cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/3/2022 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 29/3/2022. Hiện nay cháu cả ba con chung đang ở với anh K. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản trình bày ngày 30/10/2025, bà Trịnh Thị Tú A trình bày: Bà là mẹ chị Trịnh Hoài L, anh Trần Ngọc K là con rể bà. Về thời gian, điều kiện và địa điểm kết hôn giữa anh K và chị L bà nhất trí với lời trình bày của anh K. Sau khi kết hôn vợ chồng anh K và chị L chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến cuối năm 2024 thì chị L về nhà bà sinh sống và anh chị sống ly thân từ đó. Hiện nay chị L đi làm ở Hà Nam, không có mặt tại địa phương, bà không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay chị L ở đâu, thì thoảng chị L mới về. Các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị L, bà nhận thay chị L, bà đã thông báo lại cho chị L. Còn lý do vì sao chị L không về tòa án làm việc thì bà không rõ. Nay anh K xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh K và chị L có 03 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 17/6/2020; cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/3/2022 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 29/3/2022. Hiện nay cháu cả ba con chung đang ở với anh K. Khi ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Bích H trình bày: Bà là mẹ đẻ anh K, chị L là con dâu bà. Về thời gian, điều kiện, địa điểm kết hôn giữa anh K và chị L bà nhất trí như lời trình bày của anh K. Quá trình chung sống giữa anh K và chị L có xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có khuyên giải nhưng không được. Chị L đã chuyển về nhà mẹ đẻ từ tháng 9/2024 sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ đó, hiện chị L đi làm ăn xa, cụ thể ở đâu bà cũng không rõ.

Về con chung: Anh K và chị L có 03 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 17/6/2020; cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/3/2022 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 29/3/2022. Hiện cả ba con chung đang ở cùng anh K và ông bà nội. Hàng ngày anh K và ông bà nội chăm sóc 03 con cháu, chị L không liên lạc gì và hỏi thăm gì tới con chung. Nay anh K xin ly hôn chị L, bà đề nghị Tòa án tiếp tục giao 03 con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng vì bên cạnh anh K còn có ông bà nội hỗ trợ chăm sóc các cháu và vì chị L hiện nay không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; đối với bị đơn đã vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc K.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Ngọc K được ly hôn với chị Trịnh Hoài L.

- Về con chung: Giao cả 03 (ba) con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 17/6/2020; cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/3/2022 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 29/3/2022 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Trịnh Hoài L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh Trần Ngọc K tự nguyện không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh Trần Ngọc K không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Ngọc K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa anh Trần Ngọc K và Chị Trịnh Hoài L. Bị đơn là chị Trịnh Hoài L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trịnh Hoài L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc K và chị Trịnh Hoài L có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ), hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh K cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách hai vợ chồng không hòa hợp được với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9/2024.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp thông tin, qua lời trình bày của bà Trịnh Thị Tú Anh (mẹ đẻ chị L) và bà Nguyễn Thị Bích Hòa (mẹ chồng chị L) quá trình anh K và chị L chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương và gia đình không nắm được cụ thể. Chị L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9/2024, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, hiện nay chị L đi làm ăn ở Hà Nam, công việc không ổn định, thi thoảng mới về nhà, vợ chồng cũng không có biện pháp nào hàn gắn quan hệ vợ chồng. Từ đó có thể thấy, mâu thuẫn của anh K và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc anh K đề nghị xin được ly hôn chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 17/6/2020; cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/3/2022 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 29/3/2022. Hiện nay cả ba con chung ở cùng anh K. Khi ly hôn anh K có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi dưỡng cả (03) ba con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay ba con chung đang sinh sống ổn định cùng anh K, anh K có công việc, thu nhập ổn định, ngoài ra còn có sự hỗ trợ chăm sóc của ông bà nội. Hơn nữa hiện nay chị L đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, chị đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt, không thể hiện quan điểm của mình về con chung. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống của các cháu được ổn định và có điều kiện được chăm sóc tốt nhất nên cần tiếp tục giao cả (03) ba con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo cho con chung phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh K không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh K nên cần được chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh Trần Ngọc K không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Ngọc K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Ngọc K được ly hôn với chị Trịnh Hoài L.

2. Về con chung: Giao cả 03 (ba) con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 17/6/2020; cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/3/2022 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 29/3/2022 cho anh Trần Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Trịnh Hoài L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh Trần Ngọc K tự nguyện không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Ngọc K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Trần Ngọc K đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004371 ngày 28/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã C, tỉnh Phú Thọ;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VP.

Nguyễn Thị Duyên

